

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----*-----
Bản án số: **106/2020/DS-ST**

Ngày 14/7/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Trang.

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Ông Trịnh Thanh Dũ** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị N**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số V đường P, phường B, quận K, thành phố H.

- *Bị đơn:* **Trần Thị C**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 20/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vào năm 2018, bà có tham gia góp 04 phần hui do bà C làm chủ hui. Tháng 10/2018 chị hốt 02 phần, bà C đã giao tiền hui và bà góp lại hui chót đầy đủ cho bà C. Còn lại 02 phần vào ngày 30/12/2019 âm lịch, bà hốt hui được số tiền 230.000.000 đồng nhưng bà C chỉ giao cho bà 30.000.000 đồng. Đến tháng 02/2020 âm lịch, bà C tuyên bố vỡ hui, bà C còn nợ bà số tiền là 200.000.000 đồng.

Đến ngày 24/3/2020, bà và bà C thỏa thuận chuyển số tiền nợ hui thành tiền vay và hai bên có lập “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm”,

thỏa thuận vào ngày 07 hàng tháng bà C sẽ trả cho bà N 30.000.000 đồng hết khi hết nợ, thực hiện từ tháng 4/2020 nhưng đến nay bà C không trả cho bà N tiền nào. Nay bà N yêu cầu bà C trả số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

* Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà N. Bà có nợ bà N số tiền hui là 200.000.000 đồng. Vào ngày 24/3/2020, bà và bà N đã thỏa thuận chuyển số tiền nợ hui này thành tiền vay và có lập “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm”, thỏa thuận vào ngày 07 hàng tháng bà sẽ trả cho bà N 30.000.000 đồng hết khi hết nợ, thực hiện từ tháng 4/2020 nhưng sau đó bà không có tiền trả cho bà N như đã thỏa thuận. Nay bà đồng ý trả lại bà N số tiền 200.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giao dịch giữa bà N và bà C ban đầu là hợp đồng góp hui nhưng sau đó, các bên đã thỏa thuận chuyển số tiền nợ hui sang tiền vay theo “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm” ngày 24/3/2020. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà N và bà C là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà N yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nhận thấy, tại phiên tòa bà C thừa nhận còn nợ bà N số tiền 200.000.000 đồng; đồng thời theo “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm” ngày 24/3/2020 (BL 20, 21), thỏa thuận thời hạn trả tiền vào ngày 07 hàng tháng bà C sẽ trả cho bà N 30.000.000 đồng hết khi hết nợ, thực hiện từ tháng 4/2020 nhưng đến thời hạn bà C không trả nợ cho bà N. Do đó, bà C đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N, nay bà C xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng bà N không đồng ý. Vì vậy, yêu cầu của bà N là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà C phải có nghĩa vụ trả lại bà N số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu trả lãi, bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà C có nghĩa vụ trả nợ nên bà C phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N**

- Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **200.000.000 đồng** (*Hai trăm triệu đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - Bà N phải chịu án phí là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).
 - Hoàn lại bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) theo biên lai số 0017679 ngày 20/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

- *Nơi nhận:**
- VKSND huyện Đ;
 - Cục THADS huyện Đ;
 - Các đương sự;
 - Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An

